

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20/6/2025

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Văn Thanh.

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trung Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 38/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 127/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11/6/2025, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Thu T, sinh năm 1996 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện tại: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2/ *Bị đơn:* Anh Nguyễn Phú T1, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thu T trình bày:

Tôi và anh Nguyễn Phú T1 quen biết nhau thông qua mai mối, tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng thì kết hôn vào năm 2014, đến ngày 20/4/2015 mới đăng ký kết hôn và được UBND xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21/2015, quyển số 01/2015. Sau khi kết hôn chúng tôi sinh sống cùng với gia đình chồng tại xã P. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng ổn định, đến khoảng năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ vấn đề kinh tế gia đình không đủ lo cho con chung. Anh T1 còn hay nhậu về chửi vợ con, anh T1 đánh tôi 2, 3 lần. Anh T1 còn quen với người phụ nữ khác vào năm 2020, tôi có

nói chuyện này với anh T1 thì anh T1 thừa nhận có quen với người phụ nữ khác, anh T1 có hứa sửa đổi nhưng không thay đổi. Vợ chồng chúng tôi thường xuyên cãi nhau. Chúng tôi ly thân từ năm 2020 đến nay. Từ lúc ly thân đến nay chúng tôi không còn liên lạc gì với nhau.

Về con chung: Có 01 cháu tên Nguyễn Ngọc Thủy T2, sinh ngày 13/11/2015. Sau khi ly hôn, tôi đồng ý giao con chung cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi con do từ lúc vợ chồng ly thân đến nay cháu T2 sống chung với anh T1.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết;
- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Phú T1 đã được Tòa án tổng hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về vụ án và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn chị T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn anh T1 đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vẫn không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là thực hiện không đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T có đơn xin vắng mặt, anh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh T1.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện, chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1, giao con chung cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh T1 có nơi cư trú tại xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị T và anh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21/2015, quyền số 01/2015 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị T trình bày mâu thuẫn vợ chồng chị bắt đầu phát sinh từ năm 2020. Nguyên

nhân mâu thuẫn xuất phát từ vấn đề kinh tế gia đình không đủ lo cho con chung. Anh T1 còn hay nhậu về chửi vợ con, đánh chị nhiều lần. Ngoài ra anh T1 còn quen với người phụ nữ khác. Vợ chồng chị đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Từ lúc ly thân đến nay không còn liên lạc gì với nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã phát sinh trong thời gian dài, vợ chồng ly thân từ năm 2020 đến nay, từ lúc ly thân đến nay anh chị cũng không liên lạc gì với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Anh T1 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về nội dung vụ án và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Điều đó chứng tỏ anh T1 đã không còn thiết tha với cuộc sống vợ chồng cùng với chị T.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì “vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình” nhưng anh T1 và chị T không còn quan tâm, tin tưởng nhau, không cùng nhau chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình là vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng nên mâu thuẫn gia đình giữa chị T và anh T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị T và anh T1 có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thủy T2, sinh ngày 13/11/2015, từ lúc chị T và anh T1 ly thân đến nay cháu Thủy T2 do anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó để đảm bảo môi trường sống ổn định cho cháu Thủy T2 cần tiếp tục giao cháu Thủy T2 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T1 không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: chị T và anh T1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Thu T.

1/. Về quan hệ hôn nhân: chị Huỳnh Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Phú T1.

2/. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Thủy T2, sinh ngày 13/11/2015 cho anh T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh T1 chưa yêu cầu.

Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0002907 ngày 07/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị T đã thi hành xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: chị T, anh T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;

- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Giang